

Số: 08/2026/QĐST-KDTM

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Điều 280, khoản 2 Điều 292, 299, 317, 318, 320, 322, 323, 351, 463, 466, 468, 500 và 501 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010
- Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và điểm e mục 1.4 Điều 1 phần II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M1

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc
(Theo Văn bản ủy quyền số 4260/2025/UQ-MARS ngày 25/8/2025 của ông Bùi Công T)

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông [Nguyễn Văn M](#), sinh năm 2000
Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ [Công ty Cổ phần M1](#) (giấy uỷ quyền ngày 05/6/2026).

2. [Ngân hàng TMCP V](#)

Địa chỉ: [Tòa V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Ngô Chí D](#) - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông [Cao Duy T2](#) - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 01 (theo văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của ông [Ngô Chí D](#))

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông [Nguyễn Văn M](#), sinh năm 2000; CCCD số: 038200014383; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ [Công ty Cổ phần M1](#) (giấy uỷ quyền ngày 05/6/2026)

Bị đơn: 1. Ông [Mai Văn Q](#), sinh năm 1963; CCCD số: 038063039383

2. Bà [Vi Thị Mai L](#), sinh năm 1967; CCCD số: 038167027285

Cùng địa chỉ: Tiểu khu 4, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Các đương sự thống nhất ông [Mai Văn Q](#) và bà [Vi Thị Mai L](#) có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả nợ) cho [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty cổ phần M1](#) (theo các Hợp đồng cho vay LN2109304397800 ký ngày 13/10/2021, LD2325100253 ký ngày 08/09/2023, LN 2405142605795 ký ngày 22/05/2024, Hợp đồng thế chấp số LN2109304397800/01 ngày 08/10/2021, số LN2109304397800/02 ngày 13/10/2021, số LN2109304397800/ 03 ngày 08/10/2021 và Hợp đồng mua bán nợ số 08/2024/VPB- MAS ngày 30/9/2024) tính đến ngày 05/6/2026 tổng số tiền là 5.771.318.232 đồng (năm tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, ba trăm mười tám nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), (trong đó: nợ gốc: 4.497.744.719 đồng, lãi trong hạn: 2.130.082 đồng, lãi quá hạn: 1.271.443.431 đồng). Cụ thể:

Ông [Mai Văn Q](#) và bà [Vi Thị Mai L](#) phải liên đới thanh toán (trả nợ) cho [Công ty cổ phần M1](#) tổng số tiền tính đến ngày 05/6/2026 là: 5.194.186.409 đồng (trong đó: nợ gốc: 4.047.970.247 đồng; lãi trong hạn: 1.917.074 đồng; lãi quá hạn: 1.144.299.088 đồng);

Ông [Mai Văn Q](#) và bà [Vi Thị Mai L](#) phải liên đới thanh toán (trả nợ) cho [Ngân hàng TMCP V](#) tổng số tiền tính đến ngày 05/6/2026 là: 577.131.823 đồng (trong đó: nợ gốc: 449.774.472 đồng; lãi trong hạn: 213.008 đồng; lãi quá hạn: 127.144.343 đồng);

Kể từ ngày 06/6/2026 ông [Q](#), bà [L](#) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng của khoản vay mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Lãi phát sinh phải trả cho [Công ty cổ phần M1](#) và [Ngân hàng V1](#) tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

2.2. Về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Nguyên đơn đồng ý với bị đơn về việc phối hợp bán tài sản bảo đảm để trả nợ cho các khoản vay bằng phương thức bán đấu giá. Trong trường hợp các bên không thống nhất được việc bán đấu giá tài sản hoặc sau ngày 30/9/2026 mà tài sản bảo đảm vẫn chưa được bán đấu giá thành công thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện việc kê biên phát mãi tài sản gồm:

- Tài sản 01: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền gắn liền với đất tại Thửa đất số: 27, tờ bản đồ số 37- BĐĐC 2013, tại địa chỉ: [Thị Trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa \(nay là: Tiểu khu D, xã H, tỉnh Thanh Hóa\)](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 715037, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02588 - TT/2662/QĐ-UBND do [UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) cấp ngày 23/04/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2109304397800/01, Số Công chứng 9953, Quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HDGD ký ngày 08/10/2021 tại [văn phòng C](#). Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

- Tài sản 02: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền gắn liền với đất tại Thửa đất số: 89, tờ bản đồ số 16- BĐ ĐC năm 2013, tại địa chỉ: [xã Y, Huyện H, Tỉnh Thanh Hóa \(nay là: xã H, tỉnh Thanh Hóa\)](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 715195, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01694-HN/2669/QĐ-UBND do [UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) cấp ngày 23/04/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2109304397800/02, Số Công chứng 10134, Quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HDGD ký ngày 13/10/2021 tại [văn phòng C](#). Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

- Tài sản 03: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền gắn liền với đất tại Thửa đất số: 62, tờ bản đồ số 37, tại địa chỉ: [Thị Trấn H, Huyện H, Tỉnh Thanh Hóa \(nay là: Tiểu khu D, xã H, tỉnh Thanh Hóa\)](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 604990, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02291-TT/3182/QĐ-UBND do [UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) cấp ngày 26/11/2013. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2109304397800/03, Số Công chứng 9954, Quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HDGD ký ngày 08/10/2021 tại [văn phòng C](#). Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Nếu số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản hoặc sau khi kê biên phát mại tài sản không đủ để trả nợ thì ông Q và bà L tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.3. Án phí KDTM sơ thẩm: Ông Mai Văn Q và bà Vi Thị Mai L1 phải nộp là 56.885.650 đồng (năm mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng). Tuy nhiên, ông Mai Văn Q là người cao tuổi có đơn miễn án phí nên miễn án phí kinh doanh thương mại cho ông Mai Văn Q.

- Bà Vi Thị Mai L phải nộp án phí là 28.442.825 đồng (hai mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng).

- Trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí 56.437.976 đồng (năm mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng) đã nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá theo biên lai thu số: 0003522 ngày 27/11/2025.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 12.835.449 đồng (mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng) đã nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá theo biên lai thu số: 0003523 ngày 27/11/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Dương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TỔNG THỊ HÀ